

Số: 52/GPMT-UBND

Sóc Trăng, ngày 27 tháng 10 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 98/2023/CV-STE ngày 14/10/2023 của Công ty Cổ phần Năng lượng Sóc Trăng về việc đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Nhà máy điện gió số 7 (sau đây gọi là cơ sở) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2893/TTr-STNMT ngày 25/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Năng lượng Sóc Trăng, địa chỉ tại thửa đất số 784, tờ bản đồ số 44, ấp Âu Thọ, xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy điện gió số 7 tại xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng (vị trí số 7 theo Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Sóc Trăng) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy điện gió số 7.

1.2. Địa điểm hoạt động: Vị trí số 7 theo Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Sóc Trăng, xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần: Mã số doanh nghiệp 2200751293, đăng ký lần đầu ngày 17/9/2018, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 19/11/2021 do Phòng Đăng ký Kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.



Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án: 7518480286 chứng nhận lần đầu ngày 17/6/2019, chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 02/3/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.

1.4. Mã số thuế: 2200751293.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất điện.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Tổng diện tích cơ sở: 26,226 ha, trong đó:

+ Diện tích đất, mặt nước sử dụng có thời hạn: 3,324 ha.

+ Diện tích thuê khu vực biển: 22,902 ha.

- Công suất: 07 trụ tuabin gió trên biển với tổng công suất 29,4 MW.

- Cơ sở có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Năng lượng Sóc Trăng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Năng lượng Sóc Trăng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.



2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các thiết bị xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 27 tháng 10 năm 2023 đến ngày 27 tháng 10 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật. /

Nơi nhận:

- Công ty CP Năng lượng Sóc Trăng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND TX. Vĩnh Châu;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT *VT*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Vương Quốc Nam



Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 52/GPMT-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường.

Nước thải sinh hoạt của cơ sở: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,6 m³/ngày đêm được thu gom và xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn, nước thải sau khi xử lý sơ bộ được thu gom qua lần lượt 02 bồn lắng (thể tích 2 m³/bồn), sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý nước thải tại bồn lắng thứ 2 và được tái sử dụng cho mục đích tưới cây, không xả thải ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại 3 ngăn sẽ được thu gom, dẫn lần lượt qua 02 bồn lắng (mỗi bồn có thể tích 2 m³), tại bồn lắng thứ 2 sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý nước thải. Sau đó, nước thải sau xử lý được tận dụng để tưới cây.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- 02 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích 17,5 m³.
- Tóm tắt quy trình: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn → Bồn lắng thứ 1 (thể tích 2 m³) → Bồn lắng thứ 2 (thể tích 2 m³) → Tái sử dụng để tưới cây.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chế phẩm sinh học Bio-phot, Clean Water,...

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị; định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút bùn tại các bể xử lý để đảm bảo khả năng xử lý nước thải, tránh tình trạng tắc nghẽn gây tràn nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của thiết bị xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

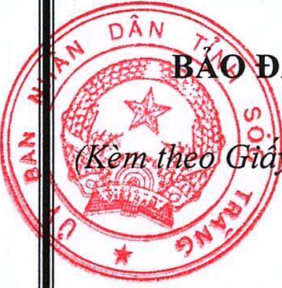
3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, không xả nước thải ra môi trường, thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

3.2. Chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố gây ô nhiễm môi trường.

3.3. Nước thải sau xử lý trước khi được tái sử dụng phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K= 1,2; riêng thông số pH và tổng Coliforms K= 1), cụ thể như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (C_{max})	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	60	
3	Amoni (tính theo N)	mg/L	12	
4	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	60	
5	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	24	
6	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000	





Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 52/GPMT-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của Trạm biến áp.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động tuabin gió ST7.1-1.
- Nguồn số 03: Phát sinh từ hoạt động tuabin gió ST7.1-2.
- Nguồn số 04: Phát sinh từ hoạt động tuabin gió ST7.1-3.
- Nguồn số 05: Phát sinh từ hoạt động tuabin gió ST7.1-4.
- Nguồn số 06: Phát sinh từ hoạt động tuabin gió ST7.1-5.
- Nguồn số 07: Phát sinh từ hoạt động tuabin gió ST7.1-6.
- Nguồn số 08: Phát sinh từ hoạt động tuabin gió ST7.1-7.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực
105°30' múi chiều 6°):

- Nguồn số 01: Tọa độ X= 1033052 ; Y= 565130.
- Nguồn số 02: Tọa độ X= 1028057 ; Y= 568593.
- Nguồn số 03: Tọa độ X= 1027693 ; Y= 568441.
- Nguồn số 04: Tọa độ X= 1027189 ; Y= 567865.
- Nguồn số 05: Tọa độ X= 1027435 ; Y= 568163.
- Nguồn số 06: Tọa độ X= 1028439 ; Y= 568646.
- Nguồn số 07: Tọa độ X= 1028817 ; Y= 568697.
- Nguồn số 08: Tọa độ X= 1029080 ; Y= 568423.

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN
26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN
27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:



3.1. Tiếng ồn

Stt	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	06 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	06 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Sử dụng loại tuabin và các thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung.
- Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ hoặc thay thế các thiết bị, máy móc, tuabin.
- Trang bị bảo hộ cá nhân và thiết bị giảm âm cho công nhân làm nhiệm vụ sửa chữa và bảo trì tuabin.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.



Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 52/GPMT-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh

Stt	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in thải có thành phần nguy hại	08 02 04	1
2	Bộ lọc dầu nhớt đã qua sử dụng	15 01 02	4
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải	17 02 04	10
4	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	17 06 01	3
5	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	4,5
6	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác	18 01 04	2
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	5
8	Hóa chất hữu cơ thải bao gồm hoặc có thành phần nguy hại	19 05 04	3
9	Các loại dầu thủy lực thải khác	17 01 07	2
10	Các thiết bị linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện	16 01 13	2
11	Dầu máy biến áp thải (*)	17 03 05	14.800
Tổng khối lượng			14.836,5

(*) Khối lượng phát sinh tối đa và chỉ phát sinh trong trường hợp máy biến áp bị sự cố.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Dây điện hỏng	2
2	Bát sứ cách điện hỏng	2
3	Thiết bị, phụ kiện của tuabin gió hỏng	10
Tổng khối lượng		14

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	16

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.
- Khu vực lưu chứa: Có diện tích 16 m²; nền bê tông, vách và mái che bằng tôn, có biển cảnh báo theo quy định.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.
- Khu vực lưu chứa: Có diện tích 2 m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nền bê tông, vách và mái bằng tôn.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy.
- Khu vực lưu chứa: Nền xi măng.
- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

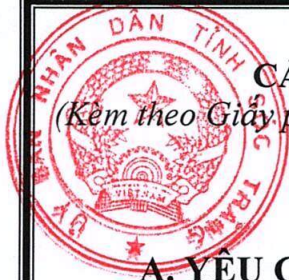


B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 52/GPMT-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.